TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 81/2020/DS-PT
Ngày : 01 - 06 - 2020
V/v tranh chấp thừa kế,
tranh chấp HĐCNQSD đất,
yêu cầu hủy giấy CNQSD đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy H3

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLPT – DS ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1.N đơn:

1.1. Ông Trần Ngọc S; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

1.2. Ông Trần Ngọc H; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

1.3. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1952; địa chỉ: xã Tân H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

1.4. Ông Trần Ngọc G (sinh năm 1959 chết ngày 03/9/2018); địa chỉ: xã LV, huyện DH, tỉnh Trà Vinh

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc G:

Bà Trần Thị H1 (vợ ông G); địa chỉ: xã LV, huyện DH, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Cháu Trần Ngọc G B, sinh năm 2006 (con của ông G); địa chỉ: xã LV, huyện DH, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật của G B là bà Trần Thị H1 (mẹ G B vắng mặt).

Chị Trần Thị Hồng N (con ông G); địa chỉ: phường A, Th phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Chị Trần Ngọc Kim N (con ông G); địa chỉ: phường A, Th phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Trần Thị P; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện L; địa chỉ: khóm 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện hợp pháp là ông Lê Văn Th – Chức vụ Phó chủ tịch, theo văn bản ủy quyền số 1721/UQ -UBND, ngày 20/11/2015 của chủ tịch UBND huyện (vắng mặt).

3.2. Ông Trần Ngọc H2; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1955; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H3, ông H2 là bà Trần Thị P theo giấy ủy quyền được UBND xã Tân H xác nhận ngày 18/01/2019 (có mặt).

3.4. Bà Trần Thị Ngọc G1; địa chỉ: xã LH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.5. Ông Cao Hoàng M, sinh năm 1956 (có mặt).

3.6. Bà Phan Thị Xuân H4, sinh năm 1960 (vợ ông M)

3.7. Chị Cao Thị Thùy L (con ông M)

3.8. Anh Cao Tuấn H5 (con ông M)

3.9. Chị Cao Thị Cẩm N (con ông M)

Cùng địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H4, chị L, anh H5, chị N là ông Cao Hoàng M theo giấy ủy quyền được UBND xã Tân H chứng thực ngày 01/02/2019 (có mặt).

3.10. Chị Cao Thị Kiều O con ông M); địa chỉ: Pháp.

Người đại diện hợp pháp của chị O là ông Cao Hoàng M theo giấy ủy quyền ngày 25/01/2019 được ký tại Tòa thị chính Nantes ngày 30/01/2019 (có mặt).

3.11. Cụ Cù Thị K, sinh năm 1935; địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã TH Quới, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người kháng cáo : bà Trần Thị P; địa chỉ: xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2015 các N đơn Trần Ngọc S, Trần Ngọc G, Trần Ngọc T, Trần Ngọc H trình bày :

Cụ Trần Ngọc X (chết năm 2006) và vợ là cụ Nguyễn Thị V (chết 2001) có tất cả 08 người con gồm: Trần Ngọc S, Trần Ngọc G, Trần Ngọc T, Trần Ngọc H2, Trần Ngọc H, Trần Thị H3, Trần Thị P và Trần Thị Ngọc G1. Cụ V và cụ X chết không để lại di chúc. Tài sản để lại gồm: Thửa đất số 950 (nay tách Th 3 thửa: thửa 1458 diện tích 1.415,4m^2, 1467 diện tích 665,4m^2 và thửa 1464 diện tích 102,9m^2), thửa số 951 diện tích 76m^2 và thửa số 952 diện tích 115m^2, cùng tờ bản đồ số 2, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Khi cụ V còn sống cụ có chuyển nhượng cho ông Cao Hoàng M phần đất diện tích 687m^2 nay là thửa số 1467, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, ông S có ký tên nhưng đến nay chưa làm thủ tục S tên cho ông M. Trên thửa đất 952 có căn nhà của cha mẹ cất lúc còn sống hiện nay đang làm nhà thờ cúng ông bà, trước đây ông S có bỏ ra 03 cây vàng 9999 để sữa chữa lại căn nhà và mua tủ thờ cẩn về để trong nhà làm tủ thờ, việc này các anh chị em đều biết.

Sau khi cụ X và cụ V chết, toàn bộ di sản gồm nhà và đất đều do bà P quản lý sử dụng, sau đó bà P làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất và hiện nay tất cả các thửa đất đều do bà P đứng tên.

Nay các N đơn khởi kiện yêu cầu như sau :

1. Chia thừa kế cho các anh em mỗi người hưởng một kỷ phần bằng 1/8 giá trị căn nhà và đất tại các thửa 1458, 1464, 951, 952 (cụ thể mỗi người hưởng 213,6m^2). Riêng thửa 1467 đã chuyển nhượng cho ông Cao Hoàng M thì công nhận quyền sử dụng cho ông M, N đơn không đặt ra yêu cầu giải quyết.

2. Hủy quyết định cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại các thửa 1458, 1467, 1464, 951, 952 do UBND huyện L cấp cho bà Trần Thị P.

* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 19/01/2016 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông Cao Hoàng M trình bày: Năm 1998 ông có mua của cụ V 687m^2 đất với giá 20 chỉ, 06 phân, 01 ly vàng 9999 đã thanh toán vàng đầy đủ, có làm giấy tay ngày 30/8/1998, cụ V và con trai là ông S cùng ký tên. Thời điểm chuyển nhượng, do cụ V còn thế chấp quyền sử dụng đất vay V ngân hàng sau đó cụ thường xuyên bị bệnh nên không làm thủ tục S tên được, ông sử dụng đất từ đó đến nay đã trồng cây ăn lâu năm, cất nhà ở kiên cố, phần đất này hiện bà P đang đứng tên. Nay ông đại diện các Th viên trong G đình gồm: bà Phan Thị Xuân H4 (vợ ông) và các con: Cao Thị Cẩm N, Cao Tuấn H5, Cao Thị Thùy L và Cao Thị Kiều O yêu cầu :

1. Hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị P tại thửa 1467 loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

2. Công nhận cho ông Cao Hoàng M được đứng tên quyền sử dụng phần đất mà ông đã mua của cụ V nay là thửa 1467, tờ bản đồ số 02 tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

* Tại các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị P trình bày: bà đồng ý chia thừa kế phần đất của cha mẹ để lại theo yêu cầu của các N đơn, riêng đối với yêu cầu độc lập của ông M bà không đồng ý, không công nhận cho ông M được quyền sử dụng 678m^2 đất như ông yêu cầu.

* Những người có quyền nghĩa vụ liên quan: Trần Ngọc H2, Trần Thị H3 và Trần Thị Ngọc G1 đều thống nhất Go kỷ phần mà mình được hưởng cho bà P sở H2, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

- Các N đơn rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện L cấp cho bà P tại các thửa 1458, 1467, 1464, 951, 952.

- Ông S, ông T và bà P thỏa thuận giao kỷ phần của hai ông được hưởng cho bà P sở hữu, sử dụng.

- Ông H và bà P thỏa thuận chia cho ông H hưởng phần đất đê bao diện tích 187m^2.

- Ngày 03/9/2018 ông Trần Ngọc G chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông G gồm: bà H1 (vợ ông G), các con: Trần Thị H3 N, Trần Ngọc Kim N và Trần Ngọc G B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông G lúc còn sống là được hưởng 1/8 di sản thửa kế.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2016 cụ Cù Thị K trình bày: cụ và cụ X sống chung như vợ chồng từ năm 1978 đến năm 2004, không có con chung, cụ không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại Công văn Số: 744/UBND ngày 09/5/2018 UBND huyện L có ý kiến như sau: UBND huyện L ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên cho hộ Trần Thị P đúng quy định pháp luật nên không đồng ý việc ông M yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị P tại Thửa 1467.

* Quan điểm Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P tại cấp sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà P về phần diện tích đất chia cho ông H, còn giá trị căn nhà, phần yêu cầu của ông G và yêu cầu độc lập của ông M xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1.1.Công nhận ông Trần Ngọc H được hưởng phần di sản có diện tích 187m^2 chiết thửa 1458 -2, loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 17/6/2019.

1.2. Đình chỉ về yêu cầu của ông Trần Ngọc G có bà Trần Thị H1, cháu Trần Ngọc G B, chị Trần Thị Hồng N và chị Trần Ngọc Kim N là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng về việc hưởng 1/8 di sản gồm 12,475m^2 đất thổ cư và 175m^2 đất trồng cây lâu năm tại các thửa 1464, 951, 952 và 1458 -2 tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Các đương sự có quyền khởi kiện lại.

1.3. Công nhận bà Trần Thị P được hưởng phần di sản như sau:

- Thửa đất 1464 diện tích 107,5m^2 loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016.

- Thửa 951 diện tích 76m^2 loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016.

- Thửa 952 diện tích 99,8m^2 (trong đó có phần tạm giao quản lý kỹ phần của ông Trần Ngọc G là 12,475m^2) loại đất ONT tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016.

- Công nhận bà Trần Thị P phần đất diện tích 1029,5m^2 chiết thửa 1458 -1 (trong đó có phần tạm giao quản lý kỹ phần của ông Trần Ngọc G là 175m^2), loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 17/6/2019.

1.4. Buộc bà Trần Thị P pH5 có trách nhiệm trả hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Ngọc G gồm: bà Trần Thị H1, cháu Trần Ngọc G B, chị Trần Thị

Hồng N và chị Trần Ngọc Kim N (phần của ông Nguyễn Ngọc G) 1/8 kỷ phần (giá trị căn nhà) số tiền 8.653.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn đồng)

1.5. Buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả ông Trần Ngọc H 1/8 kỷ phần (giá trị căn nhà) số tiền 8.653.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

1.6. Công nhận bà Trần Thị P được hưởng phần căn nhà thửa đất 952 và 1458 có tài sản: căn nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole xi măng, nền lót gạch tàu, không trần, xây dựng trên 40 năm diện tích 70,5m^2 tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.7. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Cao Hoàng M.

1.8. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Hoàng M và cụ Nguyễn Thị V lập ngày 30/8/1998 là hợp pháp.

1.9. Công nhận ông Cao Hoàng M được quyền sử dụng thửa đất 1467 diện tích 683,8m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016.

Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất và sở hữu theo qui định pháp luật.

1.10. Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Hoàng M: Hủy phần Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AN 403683 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 08/12/2008 tại thửa đất 1467 diện tích 665,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ Trần Thị P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 28 tháng 11 năm 2019 bà Trần Thị P có đơn kháng cáo, không đồng ý giao quyền sử dụng 687m^2 đất thuộc thửa 1467 cho ông Cao Hoàng M, không đồng ý hoàn lại phần của ông H và ông G mỗi người 1/8 giá trị căn nhà là 8.653.000 đồng, yêu cầu định giá lại căn nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà P chỉ giữ yêu cầu không công nhận cho ông M quyền sử dụng 687m^2 (đo đạc thực tế là 683,8m^2) đất thuộc thửa 1467, rút lại tất cả các yêu cầu kháng cáo khác.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham G tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của bà P về việc yêu cầu không công nhận cho ông M quyền sử dụng 683,8m^2 đất thuộc thửa 1467.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện L tuyên án sơ thẩm đến ngày 28 tháng 11 năm 2019 bà Trần Thị P nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Bà P kháng cáo yêu cầu không công nhận cho ông M quyền sử dụng 687m^2 đất (đo đạc thực tế bằng 683,8m^2) thuộc thửa 1467. Bà cho rằng khi cụ V còn sống chỉ nghe cụ nói cho ông M ở nhờ chứ không nghe nói chuyển nhượng cho ông phần đất này. Tuy nhiên bà P không xuất trình được chứng cứ để chứng M việc cụ V chỉ cho ông M ở nhờ.

Qua xem xét tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: phần đất này thuộc quyền sử dụng của cụ V, ngày 30/8/1998 cụ chuyển nhượng cho ông M giá 02 cây 0,61 chỉ vàng 9999 đã nhận đủ số vàng và giao đất cho ông M sử dụng, điều này cũng được các con của cụ V là ông S, ông T, ông G, ông H và ông H2 thừa nhận.

Thời điểm cụ V chuyển nhượng đất cho ông M, ông M về cất nhà ở và canh tác trên phần đất này thì cụ X còn sống nhưng cụ X không phản đối, bà H3, bà P và bà G1 cũng không ai ngăn cản việc ông M sử dụng đất.

Theo tinh thần Nghị quyết số 02/2004/NQHĐ - TP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, tại điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II: "Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 nghị quyết này (hợp đồng được lập Th văn bản có công chứng/chứng thực hợp pháp), nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố, bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định

của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Toà án công nhận hợp đồng".

Như vậy, mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M với cụ V chưa được công chứng/chứng thực nhưng trên thực tế cụ V đã giao đất cho ông M sử dụng, ông M cất nhà ở kiên cố và trồng cây lâu năm trên phần đất này không ai phản đối. Nên cấp sơ thẩm xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ V với ông M, công nhận cho ông được quyền sử dụng 683,8m^2 đất thuộc thửa 1467 là đúng quy định pháp luật.

Do đó, xét kháng cáo của bà P yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ V với ông M, không công nhận cho ông M được quyền sử dụng phần đất nêu rên là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: do bị bác kháng cáo nên bà P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 95/2019/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng: các điều 705, 707 Bộ luật Dân sự năm 1995; các điều 638, 639, 640, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 và Điều 3 Luật đất đai năm 1993; Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Công nhận cho ông Trần Ngọc H được hưởng di sản là 187m^2 đất CLN chiết thửa 1458 -2, tờ bản đồ số 2, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 17/6/2019 (kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc G gồm: bà Trần Thị H1, cháu Trần Ngọc G B, chị Trần Thị Hồng N và chị Trần Ngọc Kim N về việc hưởng 1/8 di sản gồm 12,475m^2 đất thổ cư và 175m^2 đất trồng cây lâu năm tại các thửa 1464, 951, 952 và 1458 -2 tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Công nhận cho bà Trần Thị P được hưởng phần di sản như sau:

3.1. Quyền sử dụng đất gồm: thửa 1464, diện tích 107,5m^2, loại đất CLN; thửa 951, diện tích 76m^2, loại đất CLN; thửa 952, diện tích 99,8m^2 (trong đó có phần tạm Go quản lý kỷ phần của ông Trần Ngọc G là 12,475m^2), loại đất ONT; chiết thửa 1458 – 1, tờ bản đồ số 2, diện tích 1029,5m^2 (trong đó có phần tạm Go quản lý kỷ phần của ông Trần Ngọc G là 175m^2), loại đất CLN tất cả các thửa đất trên cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016 và 17/6/2019 (kèm theo).

3.2. Quyền sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất số 1458 và 952, tờ bản đồ số 2, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long là Căn nhà trệt, độc lập có kết cấu: khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole xi măng, nền lót gạch tàu, không trần, diện tích 70,5m^2.

4. Buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Ngọc G gồm: bà Trần Thị H1, cháu Trần Ngọc G B, chị Trần Thị Hồng N và chị Trần Ngọc Kim N 1/8 giá trị căn nhà (kỷ phần của ông G được hưởng) bằng số tiền 8.653.000 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi ba ngàn đồng) và trả ông Trần Ngọc H 1/8 giá trị căn nhà (kỷ phần ông H được hưởng) bằng số tiền 8.653.000 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Cao Hoàng M:

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Hoàng M và cụ Nguyễn Thị V lập ngày 30/8/1998 hợp pháp.

Công nhận cho ông Cao Hoàng M được quyền sử dụng thửa đất 1467, tờ bản đồ số 2, diện tích 683,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 27/5/2016.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Hoàng M về việc hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện L phần ký cấp cho hộ Trần Thị P ngày 08/12/2008 tại thửa đất 1467, tờ bản đồ số 2, xã TH, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự được công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo qui định pháp luật.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí phúc thẩm: buộc bà Trần Thị P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06/12/2019 theo biên lai thu số 0005378 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH5 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi